

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 350/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 16 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nậm Hàng, huyện Mường Tè (nay là thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-UBND, ngày 08/9/2010 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn Nậm Hàng huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Nậm Nhùn huyện Nậm Nhùn;

Căn cứ Thông báo số 1041-TB/TU ngày 31/3/2014 của Tỉnh uỷ Lai Châu về Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại cuộc họp ngày 38/3/2014;

Xét đề nghị của UBND huyện Nậm Nhùn tại Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 16/12/2013 và Văn bản thẩm định số 150/SXD-QH ngày 20/3/2014 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nậm Hàng, huyện Mường Tè nay là thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu với những nội dung chính sau:

1. Vị trí, phạm vi quy hoạch:

1.1. Vị trí: Thị trấn nằm trên địa bàn huyện Nậm Nhùn; Phía Đông khu vực Nhà máy thủy điện Lai Châu, cách trung tâm tỉnh Lai Châu khoảng 96 km về phía Đông Bắc, cách trung tâm huyện Mường Tè khoảng 75 km về phía Tây Bắc, và cách thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên khoảng 25 km về phía Đông Nam.



10

- + Đất công cộng 0,6 ha, chiếm 0,41%.
- + Đất khu dân cư: 23,98 ha, chiếm 16,47%.
- quy hoạch 145,59 ha, được quy hoạch như sau
- Khu trung tâm Giáo dục - Y tế và Thương mại - dịch vụ : Diện tích
- + Đất dự trữ khác 179,67ha, chiếm 50,11%.
- + Đất nghĩa trang 2,9 ha, chiếm 0,81%.
- + Đất dự trữ phát triển 12,15ha, chiếm 3,39%.
- + Đất công trình hạ tầng, giao thông 9,37ha, chiếm 2,61%.
- + Đất cây xanh 61,85 ha, chiếm 17,25%.
- chuyên môn trên địa bàn 29,62 ha, chiếm 8,26%.
- + Đất trụ sở làm việc của Huyện ủy, HĐND-UBND, thị trấn các cơ quan
- + Đất văn hóa 0,13 ha, chiếm 0,04%.
- + Đất dịch vụ 14,71 ha, chiếm 4,1%.
- + Đất giáo dục 13,34ha, chiếm 3,72%.
- + Đất công cộng 22,25 ha, chiếm 6,21%.
- + Đất khu dân cư: 12,56 ha, chiếm 3,5%.

hoạch như sau:

- Khu trung tâm hành chính: Diện tích quy hoạch 358,55ha được quy
- Như có diện tích 504,14 ha được quy hoạch như sau:
- 9.1. Cơ cấu sử dụng đất: Đất quy hoạch xây dựng chung của thị trấn Năm
- 4. Quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển không gian:
- 3. Quy mô dân số dự kiến: 15.000 người đến năm 2020.
- Thị trấn quy hoạch là đô thị loại V miền núi.

dịch vụ và thương mại của vùng.

hóa và an ninh, quốc phòng của huyện Năm Nhùn. Đồng thời là khu trung tâm

- 2. Tình chất đô thị: Là khu trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn
- 1.3. Tổng diện tích quy hoạch: 504,73 ha.
- Phía Bắc giáp vùng đồi núi.
- Phía Nam giáp Sông Đà.
- Phía Tây giáp khu công trường Nhà máy thủy điện Lai Châu.
- Phía Đông giáp bản Phiêng Luông.
- 1.2. Phạm vi, ranh giới:

Không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị được tổ chức trên cơ sở các trục không gian chính. Kiến trúc của đô thị trung tâm phải được gắn kết hài hòa với hệ thống cây xanh, mặt nước. Khai thác kiến trúc có phân vi gây cảm giác không đều sộ, có tính đặc thù và đa dạng về kiểu cách là kiến trúc chủ đạo trong không gian kiến trúc đô thị, đặc biệt là trong khu vực trung tâm. Đồng thời hình thức không gian kiến trúc phải đảm bảo tính thông thoáng, tươi mát, xanh và khai thác tốt kiến trúc hiện đại mang tính dân tộc.

Hình khối kiến trúc là các công trình hợp lý với công năng sử dụng, đơn giản, mỹ quan, thanh thoát, màu sắc nhẹ nhàng và phù hợp với cảnh quan khu vực. Xây dựng một thị trấn miền núi theo hướng hiện đại kết hợp bản sắc địa phương. Các công trình công cộng, các khu vực ở cao tầng được bố trí trên tuyến đường trung tâm của thị trấn tạo nên một hình ảnh hiện đại, bên cạnh đó là các khu nhà ở thấp tầng mái vát, các khu nhà tại định cư sử dụng các vật liệu

4.3. Định hướng kiến trúc đô thị:

- Khu trung tâm Giáo dục - Y tế và Thương mại dịch vụ: Diện tích quy hoạch 145,59ha, bao gồm khối cơ quan, công cộng, trường học, dịch vụ, cây xanh, ao hồ, công nghiệp, cây xăng và đất dân cư.

- Khu trung tâm hành chính: Diện tích quy hoạch 358,55ha, bao gồm Trung tâm hành chính huyện mới, đất giáo dục, văn hóa, đất công cộng, cây xanh, dân cư, công trình hạ tầng giao thông, đất nghĩa trang, đất dự trữ phát triển, đất dự trữ khác.

như sau:

Toàn bộ thị trấn được quy hoạch phân chia làm các phân khu chức năng

4.2. Định hướng phát triển không gian:

- + Đất cây xanh: 5,84 ha, chiếm 4,01%.
 - + Đất công nghiệp 17,90 ha, chiếm 12,29%.
 - + Đất công trình hạ tầng, giao thông 30,79 ha, chiếm 21,15%.
 - + Đất dự trữ phát triển 0,7ha, chiếm 0,48%.
 - + Đất dự trữ khác 39,96 ha, chiếm 27,45%.
- chiếm 6,29%.
- + Đất giáo dục 5,57ha, chiếm 3,83%.
 - + Đất dịch vụ 10,88 ha, chiếm 7,47%.
 - + Đất văn hóa 0,22 ha, chiếm 0,15%.
 - + Đất trụ sở làm việc của các cơ quan chuyên môn trên địa bàn 9,14 ha, chiếm 6,29%.

hiện đại nhưng có kiểu dáng nhà sàn đem lại cho thị trấn một hình ảnh quen thuộc của địa phương.

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a. Đường trục chính của khu:

- Tuyến đường nối từ đường tỉnh 127 cũ qua khu trung tâm hành chính đầu nối với đường tỉnh lộ 127 mới có tổng chiều dài $L=4.725m$, mặt cắt $B = 36m$, gồm mặt đường $B_m = 21m$ và hè đường 2 bên rộng $B_h = 2 \times 6m$, rải phân cách rộng $3m$.

b. Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 127 với tổng chiều dài $2.126 m$ có mặt cắt $B = 20,5m$, gồm mặt đường $B_m = 10,5m$ và hè đường 2 bên rộng $B_h = 2 \times 5m$.

c. Đường giao thông nội bộ:

Bao gồm tuyến đường ven sông Đà mới và hệ thống đường xương cá tổng chiều dài $L=14.013m$ có mặt cắt $B = 13,5m$, gồm mặt đường $B_m = 7,5m$ và hè đường 2 bên rộng $B_h = 2 \times 3m$.

5.2. Quy hoạch san nền:

San nền trong từng lô kết hợp giữa mặt bằng tổ chức không gian và tận dụng địa hình tự nhiên để san đắp nền. Trong mỗi lô khi san cần đảm bảo nguyên tắc cân bằng đào đắp. Để đảm bảo giảm khối lượng đào đắp và phù hợp với điều kiện địa hình tự nhiên thì chiều cao đào, đắp tối đa cho mỗi lô đất là $7-8m$.

5.3. Giải pháp thoát nước:

Quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước mặt và nước thải chung. Nước thải sinh hoạt từ các lô nhà sẽ được xử lý cục bộ qua bể tự hoại trước khi xả vào mạng lưới thoát nước chung.

Hệ thống thoát nước bố trí đi ngầm dưới hè và trục đường giao thông, bằng cống tròn và cống hộp BTCT. Độ dốc thoát nước theo độ dốc của các trục đường giao thông. Hướng và cửa thoát nước ra Sông Đà.

5.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước cho sinh hoạt năm 2015 là $100 \text{ lít/người/ngày đêm}$. Đến năm 2020 là $150 \text{ lít/người/ngày đêm}$. Ngoài ra còn cung cấp nước sản xuất, nước tưới sân đường và cây xanh, nước cứu hỏa.

- Nguồn nước cấp: Gồm 02 nguồn với 02 trạm xử lý nước cấp như sau:

+ Nguồn thủy lợi Nậm Dòn: Xây dựng 01 trạm công suất $500m^3/ng.đ$ phục vụ khu Phiêng Luông, Phiêng Pa Kéo, khu Giáo dục.

+ Nguồn từ suối Nậm Hàng: Xây dựng 01 trạm công suất 1000m³/ng.đ cấp nước cho các khu còn lại.

- Hệ thống đường ống cấp nước: Bố trí đi dọc dưới hè đường các trục đường giao thông, cấu tạo hệ thống bằng các đường ống nhựa dẻo đường kính trục chính từ D80 - D150mm.

5.5. Quy hoạch cấp điện, thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện cho thị trấn là lưới điện 35kV hiện thời.

- Hệ thống các đường trục cấp điện:

+ Lưới điện 35kV nối từ nguồn cấp điện về các trạm hạ áp khu vực.

+ Lưới điện hạ áp 0,4kV từ các trạm hạ áp khu vực tới các phụ tải. Các đường cấp điện đi nổi, riêng khu vực dọc đường 36m bố trí cáp ngầm.

- Mỗi phân khu chức năng bố trí một trạm biến áp từ 100 đến 180KW, tổng cộng 7 trạm biến áp 35/0,4kV.

- Hệ thống điện chiếu sáng: Bố trí dọc theo 2 bên các trục đường giao thông.

- Hệ thống thông tin liên lạc, truyền hình cáp bố trí dọc theo các trục đường giao thông.

6. Quy hoạch hạ tầng xã hội:

- Nhà ở dân cư: Bố trí nhà ở tái định cư thủy điện Lai Châu 150-200m²/hộ; Khu nhà ở và làm việc của cán bộ công trình thủy điện Lai Châu; Khu nhà cho cán bộ, công chức huyện và dân cư theo tiêu chuẩn đất ở đô thị.

- Quy hoạch xây dựng hoàn chỉnh các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ, hành chính, công cộng.

7. Các hạng mục chính cần thiết đầu tư trong năm 2013 - 2015.

- Mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm Hành chính.

- Mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu y tế, giáo dục, thương mại - dịch vụ và khu dân cư.

- Mặt bằng và Hạ tầng kỹ thuật Khu đất nghĩa trang, bãi rác và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Bệnh viện Đa khoa quy mô 100 giường bệnh.

Nguồn vốn để thực hiện các hạng mục đầu tư trên được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu từ sử dụng đất và các nguồn vốn khác theo kế hoạch hàng năm.

Điều 2. Giao UBND huyện Nậm Nhùn chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức triển khai thực hiện các công việc sau:

1. Ban hành quy định Quản lý xây dựng theo quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nậm Nhùn sau khi được phê duyệt.

2. Công bố công khai nội dung đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung được phê duyệt cho nhân dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn.

3. Triển khai thực hiện lập Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu chức năng để cụ thể hóa quy hoạch chung, làm cơ sở để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

4. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong việc xây dựng các công trình theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1099/QĐ-UBND, ngày 08/9/2010 của UBND tỉnh Lai Châu.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Nậm Nhùn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh uỷ; } (b/c)
- TT. HĐND tỉnh; }
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD, TH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Chử

T/P. PHÒNG TƯ PHÁP HUYỆN NẬM NHÙN
CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC *457* QUYỂN SỐ *43* .SCT/BS
Ngày *5* .Tháng *5* .Năm *2011*

Nguyễn Khắc Chử



Pô Chử

ky